

CÔNG TY CỔ PHẦN
VT & CB THAN ĐÔNG BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 387.../VT-CB-TCLĐ

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 4 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông Công ty cổ phần VT&CB than Đông Bắc.

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc

- Mã chứng khoán: VDB

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu 6B, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả,
tỉnh Quảng Ninh.

- Số điện thoại: 02033.866.268

Fax: 02033.865.732

- E-mail: support@vtcbdongbac.com.vn Website: www.vtcbdongbac.com.vn

- Người thực hiện công bố thông tin: Phương Kim Mừng

- Chức vụ: Giám đốc Công ty

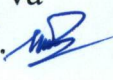
- Loại thông tin công bố: ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố

- Báo cáo thường niên năm 2018 theo mẫu Phụ lục số 04 kèm theo Thông
tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty
vào ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại đường dẫn sau:

<http://www.vtcbdongbac.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>

- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và
hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố. 

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, TCLĐ; T06 

CÔNG TY CỔ PHẦN VT&CB THAN ĐÔNG BẮC

Đại diện pháp luật/Người CBTT

GIÁM ĐỐC



Phương Kim Mừng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC
Năm 2018**

Quảng Ninh, tháng 4 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VT & CB THAN ĐÔNG BẮC**

Số: 384 /BC-VTCB

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc
Năm 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc
- Tên tiếng Anh: Transport And Processing Of Coal Dong Bac Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Dong Bac Co.,
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5701650781 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 12/7/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/4/2018.
- Vốn điều lệ: 51.000.000.000 đồng (Năm mươi một tỷ đồng Việt Nam)
- Vốn chủ sở hữu: 26.010.000.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ, không trăm mười triệu đồng Việt Nam)
- Địa chỉ: Khu 6B, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại: 02033.866.268 Fax: 02033.865.732
- Website: www.vtcbdongbac.com.vn
- Mã chứng khoán: VDB
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Công ty cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc tiền thân là Xí nghiệp Chế biến kinh doanh than, được thành lập ngày 28/12/1995 theo Quyết định số 394/QĐ-ĐB của Giám đốc Công ty Đông Bắc (nay là Tổng công ty Đông Bắc).
 - + Đến tháng 9 năm 2006 chuyển từ Xí nghiệp Chế biến kinh doanh than thành Công ty chế biến và kinh doanh than theo quyết định số 15/QĐ-BQP ngày 11 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.
 - + Từ ngày 04/5/2012 được chuyển đổi từ Công ty Chế biến và kinh doanh than (công ty hạch toán phụ thuộc) sang Công ty TNHH MTV Vận tải và chế biến than Đông Bắc (hoạt động theo mô hình Công ty mẹ Công ty con, hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Đông Bắc) theo quyết định số 1409/QĐ-BQP ngày 04/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

+ Ngày 29/12/2017, Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 5922/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng.

+ Ngày 26/02/2018, Công ty đã tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Công ty cổ phần Chứng khoán SmartInvest với tổng số cổ phần chào bán thành công là 255.000 cổ phần, giá đấu thành công bình quân là 10.061 đồng/cổ phần và giá đấu thành công cao nhất là 10.100 đồng/cổ phần.

+ Ngày 04/04/2018, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc.

+ Ngày 15/11/2018 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, loại chứng khoán là cổ phiếu phổ thông, mã chứng khoán là VDB.

+ Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5701650781 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 12/07/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04/04/2018 với vốn điều lệ thực góp là 51.000.000.000 đồng.

- Công ty cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc trải qua quá trình hình thành và phát triển đến nay, Công ty luôn hoàn thành tốt đồng thời hai nhiệm vụ là sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ quân sự quốc phòng theo chỉ lệnh của cấp trên. Đời sống của CBCNV, lao động không ngừng được cải thiện, việc làm và thu nhập của người lao động luôn được đảm bảo, nhiệm vụ quân sự quốc phòng được triển khai chặt chẽ đảm bảo theo đúng chỉ lệnh của cấp trên, luôn sẵn sàng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

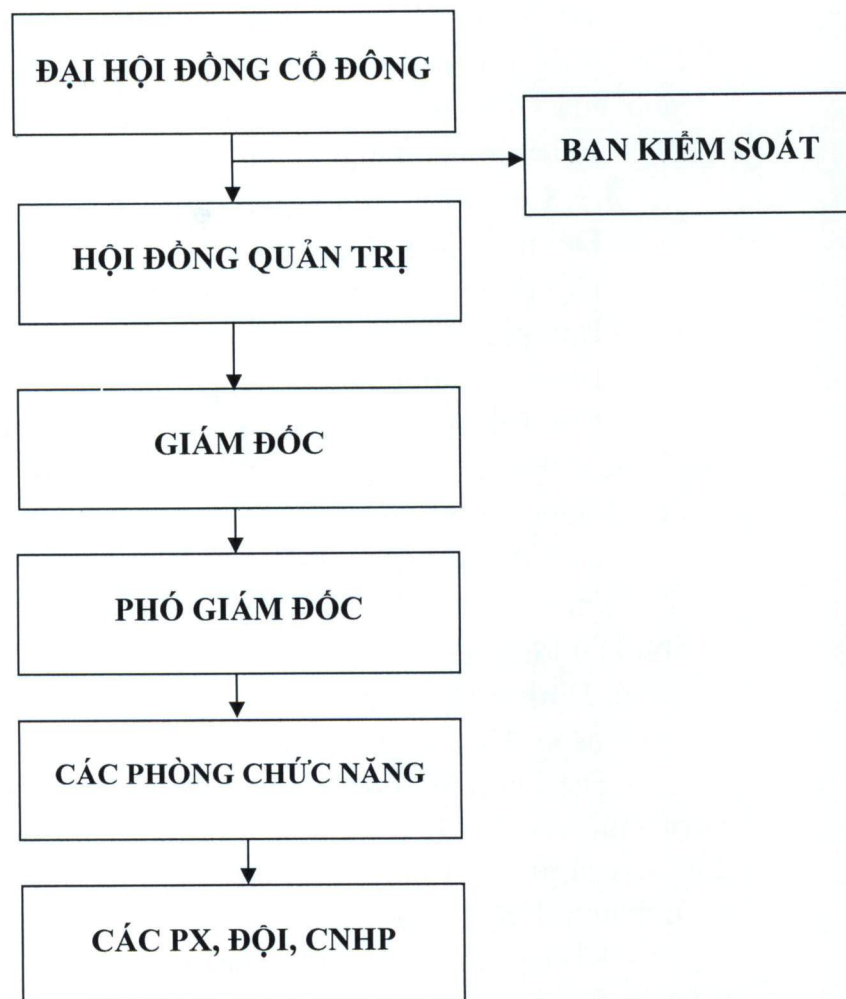
- Khai thác và thu gom than bùn; Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải đường ống; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

2.2. Địa bàn hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Tỉnh Quảng Ninh, thành phố Hải Phòng, tỉnh Hải Dương, tỉnh Bắc Giang.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

- Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty:



*** Trong đó:**

- Đại hội đồng cổ đông gồm: Tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty (theo điều lệ Công ty). ĐHĐCĐ có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

- Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ bầu ra. Hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty phải được quản lý hoặc chịu sự điều hành của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc, Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Ban Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi nhiệm sau khi báo cáo trình Chủ sở hữu chấp thuận, phê duyệt. Hiện tại Ban Giám đốc của Công ty bao gồm Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty và 02 Phó Giám đốc.

- Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, là người có toàn quyền quyết định cao nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị gồm 3 thành viên;
- Ban kiểm soát gồm 3 thành viên;
- Ban Giám đốc điều hành gồm 03 người: Gồm có 01 Giám đốc, 02 PGĐ;
- Các Phòng chức năng gồm 07 phòng: Phòng Tổ chức Lao động; Phòng Kế hoạch, đầu tư; Văn phòng; Phòng Kế toán, tài chính; Phòng Cơ điện, vận tải, vật tư; Phòng Chính trị; Phòng Kỹ thuật, an toàn.

- Các Phân xưởng, Đội sản xuất, Chi nhánh gồm 6 bộ phận: Phân xưởng số 1; Phân xưởng số 2; Phân xưởng Cơ điện; Đội Bảo vệ; Đội Vận tải thủy; Chi nhánh Hải Phòng

4. Định hướng phát triển

** Mục tiêu chủ yếu của Công ty:*

- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả, phấn đấu vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đảm bảo an toàn tuyệt đối về mọi mặt, đặc biệt là an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn tài chính và sản xuất kinh doanh đúng pháp luật.

- Không ngừng chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, từng bước cải thiện và nâng cao thu nhập, đảm bảo đủ việc làm ổn định, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới, phấn đấu thu nhập bình quân đạt 14.160.000 đồng/người/tháng.

- Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu và vốn của các cổ đông.

** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

- Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản, lợi nhuận hàng năm để lại và các nguồn khác, tạo niềm tin và đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán, quản trị chi phí trong Công ty dựa trên cơ sở các hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật tiên tiến, kết hợp với các phương pháp phân tích cơ cấu giá thành phù hợp với các điều kiện thực tế, đồng thời có tính đến sự đồng bộ trong sản xuất chế biến, tiêu thụ và kinh doanh vận tải hàng hóa thủy nội địa.

- Giải pháp về công nghệ: Công ty tiếp tục đẩy mạnh đầu tư xây dựng, đầu tư phát triển khoa học, đổi mới công nghệ, hiện đại hóa các cơ sở sản xuất, đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường, cải thiện điều kiện lao động cho công nhân vận hành, đảm bảo an toàn cho tất cả các công đoạn trong dây chuyền sản xuất, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất.

- Phát triển và củng cố các mối quan hệ hợp tác với các đơn vị trong vùng, trong ngành, trong và ngoài nước. Với mục tiêu chiến lược là tiếp tục xây dựng

mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác bạn hàng lớn, truyền thống trong nước như: EVN, PVN, Tổng công ty Đông Bắc, Tập đoàn TKV, Tổng Công ty xi măng, hóa chất... và các khách hàng lớn khác trên cơ sở tin cậy, lâu dài và cùng có lợi. Qua đó để nắm bắt kịp thời những thành tựu khoa học áp dụng trong ngành than, những thông tin về thị trường, sản phẩm và các thông tin liên quan đến chiến lược phát triển của Công ty để điều chỉnh kịp thời.

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp: Văn hoá Công ty với đội ngũ CBCNV, lao động có đủ trình độ kỹ thuật, làm chủ được thiết bị công nghệ, có tác phong công nghiệp, có tư chất đạo đức tốt, gắn bó với công ty trong suốt quá trình phát triển, cùng nhau xây dựng công ty ngày càng ổn định và phát triển.

** Mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:*

- Tiếp tục cải thiện điều kiện, môi trường làm việc cho người lao động, làm tốt công tác bảo vệ môi trường và phấn đấu xây dựng Công ty cổ phần VT&CB than Đông Bắc xanh, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường để phát triển bền vững

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018 là năm đầu Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần bên cạnh những thuận lợi, Công ty cũng gặp không ít những khó khăn thử thách trong quá trình sản xuất kinh doanh đó là: nguồn than tiếp nhận từ các đơn vị khai thác trong nội bộ Tổng công ty chủ yếu là than chất lượng thấp, nguồn than chất lượng tốt của Công ty có thời điểm không đủ để đáp ứng cho nhu cầu tiêu thụ của khách hàng; một số trang thiết bị máy móc, phương tiện vận tải đã xuống cấp; công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh ngày càng chặt chẽ, chi phí cho công tác môi trường tăng cao; giá cả đầu vào phục vụ cho sản xuất có nhiều biến động đã làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và xây dựng Công ty.

Xuất phát từ đặc điểm tình hình trên, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy, HĐQT, Ban Giám đốc Công ty năm qua CBCNV, lao động trong Công ty đã phát huy cao độ làm chủ tập thể, lao động sáng tạo, nêu cao tinh thần đoàn kết quyết tâm khắc phục mọi khó khăn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018 mà trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thành lập đề ra, cụ thể các chỉ tiêu đạt được đó là:

**** Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu đạt được năm 2018***

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2018	TH năm 2018	Tỷ lệ TH/KH %
1	Vốn điều lệ	Trđ	51.000	51.000	100,0
2	Sản lượng than nhập	Tấn	1.591.200	1.915.476,51	120,38
	- Than sạch (thành phẩm)	Tấn	1.264.700	1.656.244,64	130,96
	- Than Nguyên khai	Tấn	326.500	259.231,87	79,40
	<i>Trong đó: Than NK quy sạch</i>	<i>Tấn</i>	<i>287.600</i>	<i>237.843,07</i>	<i>82,70</i>
3	Tiêu thụ than	Tấn	1.552.300	2.316.731,31	149,24

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2018	TH năm 2018	Tỷ lệ TH/KH %
4	Vận tải thủy	Tấn	2.704.475	3.322.850,02	122,86
5	Doanh thu	trđ	2.679.148,86	4.002.387,77	149,39
6	Lợi nhuận trước thuế	trđ	15.700	16.320,83	103,95
7	Lợi nhuận sau thuế	trđ	12.560	12.914,89	102,83
8	Nộp ngân sách NN	trđ	16.709,32	34.161,79	204,45
9	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	14.662.000	16.233.000	110,71
10	Chia cổ tức (dự kiến)	đ/cổ phiếu		2.077	

Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 đã được kiểm toán (từ ngày 05/4/2018 đến 31/12/2018)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành

*** Ông: Phạm Văn Thức - Chủ tịch HĐQT**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 11 tháng 5 năm 1965
- Nơi sinh: Hưng Đạo, Tứ Kỳ, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Đạo, Tứ Kỳ, Hải Dương
- Số CMTND: 101133202, cấp ngày 30/5/2008, nơi cấp CA tỉnh Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú: phường Hải Tân, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 608.400 cổ phần

*** Ông: Phương Kim Mừng - UV HĐQT - Giám đốc điều hành**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 02 tháng 03 năm 1971
- Nơi sinh: Hùng Thắng, Bình Giang, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hùng Thắng, Bình Giang, Hải Dương
- Số CMTND: 142597764, cấp ngày 07/7/2009, nơi cấp CA tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 1.507.100 cổ phần

*** Ông: Trịnh Văn Thanh - UV HĐQT - Phó Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 12 tháng 11 năm 1975
- Nơi sinh: Hộ Vệ - Lạc Vệ - Tiên Du - Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hộ Vệ - Lạc Vệ - Tiên Du - Bắc Ninh
- Số CMTND: 125555311, cấp ngày 14/9/2010, nơi cấp CA tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 507.700 phần

*** Ông: Đỗ Văn Vui - Phó Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 07 tháng 02 năm 1971
- Nơi sinh: Việt Dân, Đông Triều, Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Việt Dân, Đông Triều, Quảng Ninh
- Số CMTND: 100606145, cấp ngày 05/7/2009, nơi cấp CA tỉnh Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú: Cửa Ông, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 6.800 cổ phần

*** Ông: Lê Mạnh Kết - Trưởng ban Kiểm soát**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 28 tháng 5 năm 1986
- Nơi sinh: Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội
- Số CMTND: 001086007933, cấp ngày 08/3/2017, nơi cấp Cục cảnh sát
- Địa chỉ thường trú: An Đồng, An Dương, Hải Phòng
- Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 2.300 cổ phần

*** Ông: Phương Trung Dũng - Kiểm soát viên**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 23 tháng 7 năm 1987
- Nơi sinh: Hùng Thắng, Bình Giang, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hùng Thắng, Bình Giang, Hải Dương
- Số CMTND: 142249075, cấp ngày 13/7/2015, nơi cấp CA Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Hải Tân, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 2.400 cổ phần

*** Bà: Thị Thị Thanh Hảo - Kiểm soát viên**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 05 tháng 4 năm 1974
- Nơi sinh: Đoàn Kết, Vân Đồn, Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đoàn Kết, Vân Đồn, Quảng Ninh
- Số CMTND: 022174000212, cấp ngày 28/9/2015, nơi cấp Cục cảnh sát
- Địa chỉ thường trú: Cẩm Thịnh, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 7.100 cổ phần

*** Bà: Trần Thị Quỳnh Trang - TP Tài chính kế toán, kiêm kế toán trưởng**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 03 tháng 12 năm 1972
- Nơi sinh: Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Vĩnh Long - Vĩnh Bảo - Hải Phòng
- Số CMTND: 100625283, cấp ngày 24/6/2014, nơi cấp CA Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú: Cẩm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 7.100 cổ phần

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành (Không có)

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

* Số lượng cán bộ công nhân viên, lao động tính đến ngày 31/12/2018 là 553 người.

* Chính sách đối với người lao động:

- Chính sách làm việc:

+ Số giờ làm việc: 8h/ngày

+ Tiền ăn ca: 26.000 đồng/người/ca

+ Trang bị bảo hộ lao động: Được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết như: đồng phục, giày, mũ bảo hộ, trang bị đầy đủ thiết bị quản lý cho nhân viên thực hiện công việc đạt hiệu quả.

+ Công ty tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo định kỳ mỗi năm một lần và khám chuyên đề mỗi năm hai lần cho các đối tượng là lao động nữ, lao động nặng nhọc độc hại...

- Chính sách đào tạo:

+ Đào tạo chuyên môn: Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV, công nhân lao động. Về đào tạo về quản lý, Công ty thuê các Trung tâm đào tạo để tổ chức đào tạo cho các cấp quản lý.

- Chính sách lương, thưởng:

+ Chính sách lương: Công ty thực hiện chính sách trả lương theo quy định của Luật lao động và Quy chế lương của Công ty. Chính sách xét tăng lương theo quy định của Công ty, mỗi năm xét một lần.

+ Chính sách thưởng: Công ty sẽ thưởng, bổ sung tiền lương cho người lao động căn cứ tình hình kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty cũng có chính sách khen thưởng cho cán bộ công nhân viên có thành tích xuất sắc trong tháng.

- Chế độ bảo hiểm và phúc lợi:

+ 100% CBCNV, lao động trong Công ty được hưởng đầy đủ chế độ BHXH, BHYT, BHTN đúng theo quy định hiện hành.

+ Chế độ nghỉ tranh thủ, nghỉ phép năm được thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật Lao động hiện hành.

+ Hàng năm, Công ty đều tổ chức cho CBCNV, lao động tham quan du lịch.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2018, Công ty tổ chức triển khai thực hiện các dự án theo tiến độ xây dựng và theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt, giá trị đạt được trong năm qua gồm có như sau:

1. Dự án Đầu tư mua sắm phương tiện thủy nội địa; giá trị đạt được là: 23.314,31 Trđ (đã bao gồm thuế VAT)

+ Giá trị Thiết bị: 22.871,2 Trđ

+ Giá trị KTCB khác: 443,11 Trđ

2. Dự án Đầu tư duy trì phục vụ sản xuất năm 2018:

+ Giá trị KTCB khác: 212,77 Trđ (đã bao gồm thuế VAT)

- Dự án đầu tư mua sắm phương tiện thủy nội địa đã qua sử dụng đơn vị đã nghiệm thu đưa vào sử dụng. Dự án triển khai thực hiện theo đúng Luật đấu thầu, các quy định của Nhà nước, BQP và của Tổng công ty. Công ty luôn kiểm soát chặt chẽ, nâng cao hiệu quả công tác đầu tư nhằm tiết kiệm chi phí góp phần tăng thêm năng lực sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc và sinh hoạt, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ SXKD của Công ty.

Cụ thể Thiết bị đầu tư năm 2018: Sà lan tải trọng 550÷600 Tấn chất lượng còn lại ≥80%; 08 chiếc.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm/%
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng		227.671.355.242	
2	Doanh thu thuần	Đồng		4.002.387.771.772	
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	Đồng		20.392.659.821	
4	Lợi nhuận khác	Đồng		- 4.071.830.488	
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng		16.320.829.333	
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng		12.914.888.276	
7	Trích lập các quỹ tại DN	Đồng		2.324.679.890	
	- Quỹ đầu tư phát triển	Đồng		1.291.488.828	
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng		1.033.191.062	
8	Lợi nhuận chia cổ tức	Đồng		10.590.208.386	
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	LN/Vốn điều lệ		20,77%	
10	Chia cổ tức (dự kiến)	đ/cổ phiếu		2.077	

Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 đã được kiểm toán (từ ngày 05/4/2018 đến 31/12/2018)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần		0,26	
	+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần		0,11	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	+ Hệ số nợ/tổng nguồn vốn	%		77	
	+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%		344	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần		42,50	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần		17,58	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	+ Hệ số LN sau thuế/DTT	%		0,32	
	+ Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%		25,32	
	+ HSLN sau thuế/Tổng tài sản	%		5,67	
	+ HSLN từ HĐKD/DTT	%		0,51	

* Kết luận:

Từ những chỉ số tài chính nêu trên cho thấy tình hình tài chính năm 2018 đảm bảo hiệu quả lành mạnh, vốn chủ sở hữu tại đơn vị được bảo toàn và phát triển tốt. Vốn vay được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả. Công ty chấp hành tốt chế độ kế toán, hệ thống sổ sách chứng từ kế toán đúng quy định, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế đối với cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thành lập năm 2018, tổng số cổ phần của Công ty cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc là 5.100.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần, tất cả cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông. Trong năm 2018 Công ty không thực hiện giao dịch liên quan đến cổ phiếu quỹ.

b) Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông trong nước sở hữu: 5.100.000 cổ phần, chiếm 100%, trong đó:
 - + Cổ đông tổ chức sở hữu: 3.419.900 cổ phần, chiếm 67,06 %
 - + Cổ đông cá nhân sở hữu: 1.680.100 cổ phần, chiếm 32,94 %
- Cổ đông nước ngoài sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0%
 - + Cổ đông tổ chức sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 %
 - + Cổ đông cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 %
- Cổ đông lớn: TCT Đông Bắc sở hữu: 2.601.000 cổ phần, chiếm 51%

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không thay đổi

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có giao dịch cổ phiếu quỹ

e) **Các chứng khoán khác:** Không phát sinh

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) **Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm**

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm 2018: 17.823,22 triệu đồng.

b) **Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất**

Do đặc thù kinh doanh của ngành, Công ty chưa có sử dụng nhiều nguyên liệu tái chế. Tuy nhiên, Công ty có quy trình kiểm soát và quản lý sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả và tiết kiệm nhất.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) **Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp**

- Điện: 1.520.993 kW

- Gas: 7.293 kg

- Xăng: 28.623 lít

- Dầu diesel: 2.496.041 lít

b) **Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả**

- Tắt các đèn: Máy lạnh, máy tính, thiết bị văn phòng khi rời khỏi phòng.

- Sử dụng giấy hai mặt để tiết kiệm giấy, tái sử dụng giấy một mặt để tiết kiệm.

- Hạn chế lãng phí thức ăn bằng quy định đăng ký cơm ca, nhân viên phải báo cắt cơm khi nghỉ phép, đi công tác hoặc nghỉ việc riêng.

- Lắp đặt các hệ thống xử lý nước sạch toàn Công ty để sử dụng nước uống và nấu ăn.

- Thiết kế văn phòng làm việc tiết kiệm năng lượng, tận dụng nguồn năng lượng ánh sáng, không khí từ tự nhiên, không gian làm việc trồng nhiều cây xanh xung quanh.

- Nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên như: Tắt các đèn, máy lạnh, máy tính, thiết bị văn phòng khi rời khỏi phòng

- Sử dụng tay số hợp lý đảm bảo tốc độ động cơ nằm trong vùng tiêu thụ ít nhiên liệu.

- Tắt máy động cơ khi chờ chất thải trong thời gian dài.

6.3. Tiêu thụ nước

a) **Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng**

- Nguồn cung cấp nước sinh hoạt của Công ty: Công ty ký hợp đồng mua nước với Công ty nước sạch Quảng Ninh, năm 2018 lượng nước Công ty sử dụng: 64.409 m³.

- Nguồn nước vệ sinh công nghiệp và tưới nước đập bụi: Nguồn nước tưới đập bụi và vệ sinh công nghiệp lấy từ nguồn nước bơm moong, năm 2018 lượng nước Công ty sử dụng: 18.000 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

- Lượng nước tái chế qua xử lý để dùng vào công tác tưới nước, phun sương đập bụi và sàng tuyển chế biến than: 100.000 m³.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Là doanh nghiệp kinh doanh khoáng sản, Công ty luôn nhận thức rằng hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ có những tác động đến môi trường xung quanh. Đối với các phương án sản xuất kinh doanh, Công ty đều thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, toàn bộ nước thải trong sinh hoạt và sản xuất đều được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam hiện hành, thực hiện quan trắc và báo cáo định kỳ theo quy định, chất thải rắn, lỏng, cứng đều được thu gom, phân loại và xử lý theo đúng quy định.

- Nhờ thực hiện nghiêm túc các hoạt động bảo vệ môi trường nên kể từ khi hoạt động đến nay, Công ty không vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lao động bình quân trong năm là: 539 người.

- Tiền lương bình quân: 16.233.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty luôn xác định con người là yếu tố căn bản cho sự phát triển của Công ty, trong những năm qua, Công ty xây dựng chính sách nhân sự và phúc lợi tối ưu, để tạo nên môi trường làm việc và phát triển bản thân tốt nhất cho người lao động. Cụ thể sau:

+ 100% CBCNV, lao động trong Công ty được hưởng đầy đủ chế độ BHXH, BHYT, BHTN đúng theo quy định hiện hành.

+ Chế độ nghỉ tranh thủ, nghỉ phép năm được thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật Lao động hiện hành.

+ Trang bị thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho người lao động theo đúng quy định.

+ Tổ chức phát động hiệu quả các phong trào thi đua lao động sản xuất hướng về mục tiêu “An toàn - Đổi mới - Hiệu quả - Phát triển”. Trong năm Công ty có nhiều tập thể, cá nhân được các cấp suy tôn và khen thưởng.

+ Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, các phòng trào VHVN-TDĐT; phát huy nội lực, tham gia có hiệu quả các hoạt động văn hóa, thể thao do các cấp tổ chức.

+ Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; duy trì chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, ổn định việc làm cho người lao động, chăm lo các ngày lễ, tết cho CBCNV, lao động theo quy định.

+ Chính sách lương: Công ty thực hiện chính sách trả lương theo quy định của Luật lao động và Quy chế lương của Công ty. Chính sách xét tăng lương theo quy định của Công ty, mỗi năm xét một lần.

+ Chính sách thưởng: Công ty sẽ thưởng, bổ sung tiền lương cho người lao động căn cứ tình hình kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty cũng có chính sách khen thưởng cho cán bộ công nhân viên có thành tích xuất sắc trong tháng.

+ Hàng năm, Công ty đều tổ chức cho CBCNV, lao động tham quan du lịch.

+ Công ty tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo định kỳ mỗi năm một lần và khám chuyên đề mỗi năm hai lần cho các đối tượng là lao động nữ, lao động nặng nhọc độc hại...

+ Tổ chức tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động; khám sức khỏe định kỳ năm 2018 cho toàn thể CBCNV, lao động theo quy định; khám sức khỏe lần 2 cho đối tượng nghề nặng nhọc, độc hại, bệnh nghề nghiệp, cấp dưỡng; tổ chức các đợt điều dưỡng phục hồi chức năng cho người lao động theo quy định.

+ Tham gia tốt công tác đến ơn đáp nghĩa, các cuộc vận động xã hội từ thiện do các cấp phát động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Để nâng cao năng lực của CBCNV, lao động đáp ứng với môi trường kinh doanh và công nghệ thay đổi không ngừng, Công ty rất chú trọng đầu tư vào đào tạo. Cụ thể như sau:

+ Thực hiện tốt công tác trao đổi, luân chuyển cán bộ có năng lực phù hợp với công việc tại các bộ phận với nhau trên cơ chế rõ ràng, khuyến khích.

+ Đào tạo chuyên môn: Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV, công nhân lao động. Về đào tạo về quản lý, Công ty thuê các Trung tâm đào tạo để tổ chức đào tạo cho các cấp quản lý.

+ Xây dựng chương trình đào tạo cho cán bộ cấp trung, nhân viên theo tín chỉ nội bộ và đào tạo theo mô hình tháp đào tạo.

+ Chương trình đào tạo sát với thực tế công việc nhưng đảm bảo có hệ thống, khoa học bằng lý thuyết giúp nhân sự có thể tự học, tự nghiên cứu để phát triển.

+ Tạo môi trường học tập, nghiên cứu sôi nổi bằng cách lồng ghép vào các cuộc thi, tọa đàm, thuyết trình.

+ Khuyến khích nhân viên tự nâng cao trình độ và kỹ năng của bản thân bằng cách tham gia các khóa học bên ngoài phục vụ cho công việc.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường và hạn chế thấp nhất các tác động của ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất than với cộng đồng dân cư. Hàng năm Công ty tổ chức quan trắc môi trường định kỳ theo yêu cầu của báo cáo

ĐTM đó được phê duyệt với các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: Môi trường không khí, môi trường đất, môi trường nước với tần suất quan trắc 04 lần/năm.

- Theo kết quả của báo cáo quan trắc môi trường định kỳ tại Công ty cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc được Công ty tư vấn về quan trắc thực hiện, cơ bản các chỉ tiêu về môi trường không khí, nước và đất đều đạt kết quả ở ngưỡng cho phép theo QCVN.

- Hàng năm Công ty thường xuyên đầu tư và hỗ trợ chính quyền địa phương thực hiện các công việc liên quan tới công tác bảo vệ môi trường, cụ thể: Nạo vét các tuyến mương, suối khu dân cư; Tổng vệ sinh môi trường các tuyến đường khu vực dân sinh; Duy tu bảo dưỡng các tuyến đường liên lạc khu vực dân cư nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị.

- Tổng số tiền dành cho công tác bảo vệ môi trường thường xuyên tại Công ty năm 2018 trên 484.600.000 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

a) Xử lý nước thải công nghiệp:

- Nước thải công nghiệp thu gom tự chảy về bể lắng, sau đó được lưu trữ trong các hồ thu lắng cặn dọc theo hệ thống rãnh và bể lắng cuối; tại đây các chất rắn có trong nước thải được tách ra khỏi nước bằng quá trình lắng trọng lực tại hai ngăn lắng. Kết quả phân tích nước thải sau xử lý theo QCVN 40-2011/BTNMT: Đạt quy chuẩn.

b) Xử lý nước thải sinh hoạt:

- Công ty ký hợp đồng mua nước của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh phục vụ hoạt động sinh hoạt của Công ty. Nước thải sinh hoạt được xử lý theo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quan trắc định kỳ nước thải sau khi xử lý, chất lượng nước thải đạt quy chuẩn QCVN như: Môi trường không khí, môi trường đất, môi trường nước.

c) Xử lý khí thải, bụi:

- Công ty tiếp tục tăng cường công tác trung đại tu các thiết bị máy móc hạn chế lượng khí thải phát sinh.

- Duy trì vận hành 03 xe trung xa dung tích từ 15-20m³ phục vụ công tác tưới nước dập bụi tại các khu vực khai trường Công ty, bãi thải, khu giáp ranh dân cư.

- Tiếp tục vận hành hệ thống phun sương dập bụi tại các khu vực chế biến, hệ thống chuyển tải than, hệ thống máy nghiền, máy sàng, tuyển.

- Nhằm hạn chế tối đa lượng bụi phát sinh phát tán từ khu vực kho chứa than, Công ty tiếp tục duy tu củng cố hệ thống lưới che chắn bụi khu vực chế biến, kho bãi, tiếp tục đầu tư máy phun sương dập bụi di động bố trí ở tất cả các vị trí sản xuất.

- Hệ thống phun sương dập bụi tại các hệ thống sàng, nghiền, băng tải, kho bãi được duy trì vận hành thiết bị sản xuất. Hiện tại hệ thống đang hoạt động ổn định và đảm bảo hiệu quả dập bụi.

d) Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải sinh hoạt:

- Chất thải rắn công nghiệp: Toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp: Săm lốp phế liệu, dây cu roa, cao su các loại... được thu gom, lưu trữ tại kho vật tư và chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Khối lượng chất thải rắn đã được xử lý, cụ thể: lốp ô tô, máy xúc 175 chiếc; sắt, thép các loại 584 kg.

- Chất thải sinh hoạt: Chất thải sinh hoạt phát sinh tại Công ty được thu gom lưu trữ trong các xe đẩy chứa rác thải, chuyển giao cho Công ty Môi trường đô thị Quảng Ninh vận chuyển xử lý theo quy định của pháp luật. Khối lượng thuê xử lý năm 2018 là 132m³.

- Chất thải nguy hại: được phân loại, thu gom, lưu trữ tại các kho chứa chất thải nguy hại. Chuyển giao cho các đơn vị có đầy đủ chức năng. Công ty CP môi trường Việt Thảo, Công ty TNHH Toàn Thắng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định của pháp luật. Lượng chất thải nguy hại xử lý năm 2018; 10,860 tấn. Giá trị xử lý 35.007.000 đồng.

e) Quan trắc môi trường định kỳ:

Công ty phối hợp với Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường tỉnh Quảng Ninh tổ chức thực hiện quan trắc môi trường một quý một lần theo đúng yêu cầu tại bản báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

f) Trồng cây cải tạo phục hồi môi trường, tạo cảnh quan môi trường:

Tổ chức hưởng ứng tết trồng cây xuân Mậu Tuất năm 2018 tại các công trường phân xưởng trong toàn Công ty, trồng cây tăng cường phủ xanh phục hồi môi trường bãi thải.

g) Thực hiện nghĩa vụ tài chính trong công tác bảo vệ môi trường:

Công ty thực hiện nghiêm và đầy đủ việc kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường theo hướng dẫn mới nhất về việc kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường theo quy định.

h) Đảm bảo thoát nước bảo vệ môi trường qua khu dân cư:

Công ty đã tổ chức phối hợp với thành phố Cẩm Phả, UBND các phường Quang Hanh, Cẩm Thịnh, Dương Huy, huyện Thủy Nguyên Hải Phòng triển khai nạo vét các tuyến suối thoát nước qua khu dân cư đảm bảo tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- *Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh:* Công tác kế hoạch đã bám sát các chỉ tiêu kế hoạch cấp trên giao, xây dựng kế hoạch SXKD năm 2018 sát với tình hình thực tế của Công ty theo từng giai đoạn. Làm tốt công tác tham mưu giúp cho Đảng ủy, chỉ huy Công ty đề ra các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh hợp lý. Đặc biệt đã thực hiện đúng chủ trương của Tổng công ty giao nhiệm vụ cho Công ty trực tiếp thực hiện việc tiếp nhận và vận chuyển than tại khai trường của các đơn vị trong nội bộ Tổng công ty về Công ty, đồng thời chủ động, tích cực tìm các giải pháp đẩy mạnh tiêu thụ than góp phần làm tăng doanh thu. Năm 2018, Công ty hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch về SXKD.

- *Công tác kỹ thuật sản xuất:* Tập trung chỉ đạo công tác kỹ thuật sản xuất thực hiện nghiêm quy trình công nghệ, đồng thời tích cực nghiên cứu và hoàn thiện quy trình công nghệ sàng tuyển, chế biến than phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị làm cơ sở để xây dựng kế hoạch giá thành theo công đoạn sản xuất. Xây dựng và ban hành đầy đủ các văn bản quản lý về công tác môi trường, tổ chức thành lập ban chỉ đạo và đội phòng chống mưa bão, tìm kiếm cứu nạn theo chỉ đạo, hướng dẫn của Tổng công ty. Thực hiện tốt công tác quản lý về số lượng, chất lượng sản phẩm góp phần nâng cao hiệu quả trong SXKD. Làm tốt công tác nghiệm thu khối lượng mỏ.

- *Công tác tổ chức lao động tiền lương:* Đã tập trung làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần VT&CB than Đông Bắc, đồng thời làm tốt công tác bàn giao từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần đảm bảo theo đúng kế hoạch đề ra. Thường xuyên kiện toàn bộ máy tổ chức, bố trí sắp xếp lực lượng lao động tại các bộ phận phù hợp với tình hình nhiệm vụ của Công ty trong giai đoạn mới; thực hiện tốt công tác quản lý lao động và tiền lương, phân phối tiền lương, thu nhập đảm bảo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước, đúng quy chế tiền lương, đúng nguyên tắc và quy định của cấp trên. Công tác tuyển dụng lao động được đảm bảo chặt chẽ, đúng quy trình, nguyên tắc, công khai dân chủ, đảm bảo chất lượng lao động. Đặc biệt trong năm 2018 Công ty đã triển khai thực hiện tốt việc sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể giảm đầu mối từ 9 phòng xuống 7 phòng; từ 4 phân xưởng xuống còn 3 phân xưởng.

- *Công tác tài chính, kế toán:* Công tác tài chính, kế toán đã đảm bảo đầy đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu về vốn cho hoạt động SXKD, đầu tư XD CB và các hoạt động khác của đơn vị. Làm tốt công tác chuyên môn và công tác phục vụ các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với Công ty. Qua kết quả kiểm tra, kiểm toán đã đánh giá công tác tài chính - kế toán thực hiện tốt các nguyên tắc, chế độ Nhà nước và cấp trên quy định, Luật kế toán, thống kê. Tình hình tài chính của Công ty năm 2018 đảm bảo lành mạnh.

- *Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản:* Năm 2018 Công ty đã được Tổng công ty thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản với tổng mức đầu tư là: 47.217

triệu đồng, bao gồm: giá trị xây dựng 11.356 triệu đồng; giá trị thiết bị 30.116 triệu đồng; giá trị khác 5.745 triệu đồng. Thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trong năm. Các dự án đầu tư của Công ty trong năm đều chấp hành đúng Luật đấu thầu, quy chế đầu tư XDCCB của Tổng công ty, thực hiện đúng tiến độ, tiết kiệm chi phí. Trong năm Công ty đã thực hiện ký hợp đồng thuê đất với Sở tài nguyên và Môi trường đối với Phân xưởng chế biến số 1,2,3 và văn phòng Công ty, trong quá trình quản lý và sử dụng đất Công ty luôn chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đất đai và nộp thuế đất đầy đủ, đúng kỳ hạn.

- *Công tác cơ điện, vận tải, vật tư*: Đã phối hợp với các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ thực hiện tốt công tác mua sắm vật tư, dịch vụ phục vụ cho sản xuất đảm bảo theo đúng nguyên tắc, quy định của Luật đấu thầu; cung ứng kịp thời vật tư, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất; làm tốt công tác kiểm tra, bảo dưỡng nâng cao hệ số kỹ thuật và hệ số sử dụng máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành phục vụ kịp thời cho công tác vận chuyển, chế biến và tiêu thụ than. Thực hiện tốt kế hoạch trung đại tu máy móc thiết bị, phương tiện vận tải đường thủy, chế độ bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên xe, máy với giá trị là 18.230 triệu đồng. Đặc biệt trong năm 2018 Công ty đã hoàn thành xong việc đăng ký chuyển đổi toàn bộ tài sản, trang thiết bị sang Công ty cổ phần.

- *Công tác An toàn bảo hộ lao động*: Đã triển khai và thực hiện tốt công tác huấn luyện, xây dựng phương án phòng chống cháy nổ; tổ chức xây dựng và thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định và biện pháp an toàn lao động. Tổ chức Lễ phát động Tháng hành động về AT, VSLĐ năm 2018 của Công ty đảm bảo theo đúng kế hoạch đề ra. Cấp phát kịp thời đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ, CNVC, người lao động trong Công ty với giá trị trên 769 triệu đồng. Năm 2018 Công ty đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất và an toàn giao thông, được Tổng công ty đánh giá chấm điểm đơn vị an toàn xuất sắc.

- *Công tác hậu cần, đời sống*: Đã tích cực chủ động làm tốt công tác phục vụ cho cơ quan, cũng như các bộ phận sản xuất góp phần cải thiện và nâng cao điều kiện làm việc, nghỉ ngơi cho cán bộ, CNVC, lao động. Công tác phục vụ đời sống từng bước được nâng lên, đảm bảo đúng tiêu chuẩn định lượng, chất lượng các bữa ăn, đảm bảo tốt vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện tốt công tác vệ sinh phòng dịch, tổ chức tốt việc khám bệnh định kỳ cho công nhân, tỷ lệ quân số khỏe thường xuyên đạt 98,5% trở lên. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần và bố trí đủ việc làm cho người lao động, trong năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan nghỉ mát được 358 đồng chí với số tiền là 554 triệu đồng. Công ty thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, tham gia đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa cho công nhân có hoàn cảnh khó khăn, phong trào Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới, Quỹ phòng chống thiên tai... cụ thể Công ty tổ chức thăm hỏi tặng quà cho các đồng chí thân nhân liệt sỹ, tặng quà tết cho công nhân mắc bệnh hiểm nghèo, gia đình khó khăn với số tiền là 18 triệu đồng;

ủng hộ quỹ xây dựng nông thôn mới, quỹ phòng chống thiên tai với số tiền là 963 triệu đồng.

- *Công tác đảng, công tác chính trị, công tác thi đua, tuyên truyền:* Năm 2018, đơn vị đã triển khai tổ chức thực hiện tốt chương trình công tác đảng, công tác chính trị; tập trung quán triệt, học tập, triển khai thực hiện đầy đủ Chỉ thị, Nghị quyết của các cấp ủy đảng. Đồng thời làm tốt công tác tư tưởng đối với cán bộ, CNVC, lao động về cổ phần hóa đối với Công ty làm cho cán bộ, CNVC, lao động an tâm công tác, xác định tốt nhiệm vụ được giao. Công tác thi đua khen thưởng đã có nhiều đổi mới, phát triển cả bề rộng và chiều sâu, các phong trào thi đua xuyên suốt của đơn vị và hoạt động thi đua của các tổ chức quần chúng đã được phối hợp, liên kết chặt chẽ tạo thành khối đoàn kết thống nhất trong đơn vị, mang lại hiệu quả thiết thực. Qua tổng kết phong trào thi đua quyết thắng năm 2018, Công ty được Bộ Quốc phòng tặng Cờ thi đua; 22 tập thể và 265 cá nhân được Tổng công ty và Công ty khen thưởng.

- *Hoạt động của HĐQT, BKS và các tổ chức trong hệ thống chính trị của Công ty:*

+ Hội đồng quản trị: Đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, kịp thời chỉ đạo và giải quyết các vấn đề quan trọng của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành kịp thời, định hướng đúng cho Công ty hoạt động đảm bảo hiệu quả SXKD, phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

+ Ban kiểm soát: Thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ. Trong năm Ban kiểm soát đã đề xuất với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc thực thi có hiệu quả trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

+ Hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị: Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Công ty đã tạo nên sức mạnh tổng hợp trong hệ thống chính trị. Các tổ chức đoàn thể và chuyên môn cụ thể hoá bằng các chương trình hành động thiết thực trên các lĩnh vực hoạt động công tác, thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của từng tổ chức, góp phần quyết định vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Tài sản của Công ty được quản lý, sử dụng chặt chẽ, theo dõi thống kê, trích khấu hao và hạch toán đúng quy định.

- Các khoản công nợ được đối chiếu, xác định đầy đủ, không có nợ phải thu khó đòi.

b) Tình hình nợ phải trả

- Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi rõ ràng theo từng hộ khách hàng và được thanh toán đầy đủ đúng quy định, Công ty không có nợ quá hạn phải trả.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2019; tiếp tục bổ sung, hoàn thiện quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả quản lý.

- Thực hiện tốt các chương trình đào tạo theo kế hoạch, trong đó chú trọng công tác đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật và bổ sung trình độ tay nghề đối với lực lượng lao động phục vụ công nghệ.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm than và tiêu thụ để tăng doanh thu. Bố trí cán bộ, tăng cường giám sát từ khâu tiếp nhận đến khâu sàng tuyển, tuyển rửa, pha trộn đảm bảo chất lượng, số lượng các chủng loại than đáp ứng yêu cầu tiêu thụ của khách hàng.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, đưa phần mềm chuyển công văn, lịch công tác, học, họp... qua cổng thông tin điện tử của Công ty đến các bộ phận, Phòng, Phân xưởng, Đội, Chi nhánh giảm chi phí văn phòng phẩm nên các văn bản, tài liệu, công văn chuyển đi nhanh hơn, kịp thời hơn. Hệ thống cáp quang, đường truyền internet tốc độ cao, máy bộ đàm trang bị cho các Phân xưởng, Đội sản xuất, Phòng chức năng điều hành sản xuất trên khai trường kho bãi nhanh, hiệu quả, giảm chi phí điện thoại.

- Giao kế hoạch hàng tháng gắn với giao khoán chi phí cho các Phòng, Phân xưởng, Đội sản xuất, Chi nhánh, tăng quyền tự chủ gắn với trách nhiệm quản lý chi phí cho các Quản đốc, Đội trưởng, Giám đốc chi nhánh. Các các Quản đốc, Đội trưởng, Giám đốc chi nhánh tập trung đi sâu vào quản lý, điều hành, bố trí thiết bị, công việc hợp lý, hiệu quả cho người lao động và theo dõi quản lý, cân đối chi phí hàng tháng, quý, năm; Các Trưởng phòng tập trung vào chuyên môn để thực hiện tốt chức năng quản lý, giám sát, hướng dẫn các đơn vị sản xuất thực hiện đúng quy định, hiệu quả, đồng thời thực hiện tốt chức năng tham mưu cho Giám đốc và lãnh đạo Công ty; Tổ chức nghiệm thu khối lượng, chi phí vào ngày mùng 10 hàng tháng đã tạo thuận lợi cho các đơn vị sản xuất, phòng ban quản lý tốt, cân đối kịp thời chi phí; tiết kiệm nhiên liệu, vật tư, giảm tồn kho.

- Thực hiện quyết liệt phương án tái cơ cấu, sắp xếp, định biên cán bộ các Phòng, Phân xưởng, Đội, Chi nhánh theo mô hình mẫu, sắp xếp lại lực lượng lao động (đặc biệt là lao động quản lý), điều chuyển, bố trí hợp lý, tuyên truyền, vận động lao động gián tiếp và lao động phục vụ, phụ trợ nghỉ trước tuổi, cơ cấu lao động hợp lý, lao động trực tiếp tăng, lao động phục vụ phụ trợ giảm, lao động quản lý giảm.

- Tăng cường các biện pháp quản lý an ninh, an toàn. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện, phòng ngừa, tuyên truyền kịp thời đến cán bộ, người lao động để rút kinh nghiệm, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Nhờ vậy, năm 2018 không để xảy ra mất mát an toàn hay TNLĐ nào; Ý thức, trách nhiệm của cán bộ quản lý và người lao động đã nâng lên rõ rệt; Bảo vệ tốt tài sản, tài nguyên ranh giới mỏ. Quản lý các hoạt động vận chuyển, chế biến và tiêu thụ than trên địa bàn.

- Công khai, minh bạch hóa mọi cơ chế quản lý, chế độ của người lao động, bố trí đủ việc làm cho CBCNV, lao động có thu nhập ổn định, sắp xếp, định biên lao động hợp lý, giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước, của Công ty cho người lao động nghỉ chế độ, nghỉ trước tuổi hưởng hỗ trợ, chấm dứt HĐLĐ...; phục vụ và nâng cao chất lượng ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại, khám chữa bệnh định kỳ hàng năm; thăm, tặng quà các gia đình khó khăn, gia đình chính sách; hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn sửa chữa nhà ở...thực hiện tốt công tác xã hội, từ thiện.

- Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của tổ chức mình, phối hợp với cơ quan chuyên môn tham gia quản lý, quan tâm chăm lo mọi mặt đời sống, đối thoại trực tiếp, phát huy dân chủ, bảo vệ và quyền lợi chính đáng, hợp pháp của người lao động. Tuyên truyền vận động người lao động thi đua lao động sản xuất, đoàn kết, đồng tâm, vượt khó quyết tâm thực hiện hoàn thành mọi nhiệm vụ, kế hoạch được giao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực: Công ty dựa trên cơ sở triết lý kinh doanh của mô hình quản trị hiện đại. Đó là vừa tạo ra lợi nhuận, vừa phát triển đội ngũ giai cấp công nhân trung thành, lao động sáng tạo và có cơ hội thăng tiến, gồm cán bộ quản lý, quản trị cao cấp, chuyên gia, công nhân kỹ thuật trong các lĩnh vực. Đây chính là chìa khóa tạo ra năng suất và phát triển bền vững của Công ty, đáp ứng các tiêu chuẩn đã đề ra, có tình yêu nghề, có lòng quả cảm, dám dấn thân vào những việc khó khăn, thách thức.

- Đầu tư đổi mới công nghệ: Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư xây dựng, đầu tư phát triển khoa học, đổi mới công nghệ, hiện đại hóa trong dây chuyền sản xuất, cơ giới hóa, nâng cao năng suất lao động, nâng cao mức độ an toàn, bảo vệ môi trường.

- Thực hiện giải pháp quản trị kinh doanh: Tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán, quản trị chi phí trong sản xuất dựa trên cơ sở các hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật tiên tiến, kết hợp với các phương pháp phân tích cơ cấu giá thành phù hợp với các điều kiện thực tế và theo cơ chế thị trường.

- Phát triển và củng cố các mối quan hệ hợp tác trong và ngoài nước. Một là, tiếp tục xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác bạn hàng lớn, truyền thống trong nước như: Tập đoàn TKV, EVN, PVN, Tổng Công ty xi măng, hóa chất...và các khách hàng lớn khác trên cơ sở tin cậy, lâu dài và cùng có lợi. Hai là, quan hệ mật thiết với các địa phương nơi có hoạt động SXKD của Công ty, nhất là các địa bàn chiến lược như: Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Bắc Giang... nhằm tiếp tục xây dựng môi trường kinh doanh hài hòa lợi ích với cộng đồng, địa phương. Ba là, duy trì và phát triển các mối quan hệ với các đối tác nước ngoài như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nga, Úc,... không chỉ là tạo ra thị trường thương mại, mà còn là thị trường chuyển giao công nghệ và tri thức tiên tiến, hiện đại trên phạm vi toàn cầu.

- Đầu tư đổi mới công nghệ vận tải hàng hóa bằng đường thủy đáp ứng nhu cầu thị trường vận tải đường thủy cho những năm tiếp theo.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Không có ý kiến của Kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Với việc chủ động áp dụng các giải pháp, công nghệ tiên tiến trong chế biến tiêu thụ, Công ty nỗ lực cải thiện, nâng cao chất lượng, điều kiện làm việc cho người lao động và môi trường sinh thái tại các khu vực dân cư, đô thị, góp phần hướng tới mục tiêu trở thành ngành sản xuất xanh, phát triển hài hòa, thân thiện với môi trường và cộng đồng.

- Nguồn nước được lấy từ hệ thống nước tự nhiên, thông qua hệ thống xử lý nước sạch được sử dụng cho sinh hoạt luôn đảm bảo vệ sinh.

- Hàng năm, Công ty luôn đóng đầy đủ các khoản phí vệ sinh môi trường cho địa phương theo quy định.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần và bố trí đủ việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty thường xuyên phối hợp với các phường trong vùng Cẩm Phả tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao; duy trì hoạt động kết nghĩa với phường Quang Hanh, phường Cẩm Thịnh, xã Dương Huy, xã Tam Hưng huyện Thủy Nguyên TP Hải Phòng; tổ chức vận động CNVC, ĐVTN quyên góp ủng hộ các trường THCS, tiểu học và các em học sinh sách vở, giấy, bút, quần áo, máy vi tính...

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

- Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ và các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao như các quyền quyết định chiến lược phát triển trung hạn, kế hoạch năm của Công ty, giám sát chỉ đạo, điều hành của Công ty, của Giám đốc, phê duyệt các vấn đề theo phân cấp quản lý để Giám đốc triển khai thực hiện.

- Trong năm 2018 HĐQT Công ty đã nghiêm túc thực hiện Điều lệ Công ty cũng như quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT. Trong năm 2018 Hội đồng quản trị đã tổ chức 31 phiên họp định kỳ và họp gián tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét quyết định các vấn đề quản lý của Công ty theo thẩm quyền Hội đồng quản trị, trong đó đã ban hành 31 Nghị quyết và một số các Quyết định, văn bản theo thẩm quyền theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị đã trực tiếp kiểm tra, đánh giá các kết quả hoạt động của Công ty, chỉ đạo Công ty thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính bảo toàn

được nguồn vốn chủ sở hữu và đem lại hiệu quả, lợi nhuận cao, đồng thời luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, Nghị quyết, Quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc Công ty hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban Giám đốc điều hành đã triển khai kế hoạch theo chỉ tiêu thông báo của Tổng công ty Đông Bắc, Công ty lập và giao kế hoạch sản xuất, khoán chi phí và giá thành sản phẩm cho các Phân xưởng, Đội sản xuất, Chi nhánh trong Công ty theo từng tháng, quý để các bộ phận tổ chức thực hiện. Căn cứ vào kế hoạch đã giao, hàng tháng, quý, Công ty đều tổ chức kiểm điểm rà soát lại các chỉ tiêu thực hiện từ cấp Công ty đến các Phân xưởng, Đội, Chi nhánh để làm rõ trách nhiệm quản lý, điều hành và điều chỉnh kế hoạch, biện pháp thực hiện tiếp theo nhằm đạt được các mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Công tác tổ chức hạch toán chi phí cho sản xuất kinh doanh đảm bảo đúng chế độ quy định của Nhà nước. Các hợp đồng kinh tế Công ty ký với các đối tác kinh doanh năm 2018 đều phù hợp với Luật Dân sự, Luật Thương mại và các quy định của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện hợp đồng không có tranh chấp giữa Công ty với các đối tác. Công ty bố trí sử dụng lao động hợp lý tiết kiệm, hiệu quả, lao động được bố trí đúng theo chuyên môn tay nghề được đào tạo phù hợp với năng lực, tay nghề.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2019 dự báo là năm còn nhiều khó khăn, thách thức. Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông, như trong báo cáo phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp chỉ đạo điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 do Giám đốc trình bày. HĐQT cần tập trung chỉ đạo, giải quyết một số nội dung trọng tâm sau:

1. Chỉ đạo, điều hành các phương án tổ chức sản xuất kinh doanh đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

2. Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu của Công ty đảm bảo số đầu mỗi đơn vị, phòng, phân xưởng, đội theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2018-2020; thực hiện tái cơ cấu lao động theo hướng tinh giảm; cân đối sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Triển khai phương án xã hội hóa, thuê ngoài thực hiện một số dịch vụ phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

3. Rà soát, bổ sung, ban hành các quy chế quản trị của Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước và Tổng công ty để đảm bảo cho bộ máy quản lý, điều hành của Công ty linh hoạt, hiệu quả.

4. Chỉ đạo quản trị chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ; triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất hợp lý để tăng thời gian làm việc hữu ích của thiết bị, tăng năng suất lao động. Tăng cường chỉ đạo, thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí để giảm giá thành sản xuất.

5. Quản trị và điều hành hoạt động của Công ty đạt hiệu quả, đảm bảo an toàn tài chính; giữ vững công tác an toàn, an ninh trật tự.

6. Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư, cổ đông của Công ty; đồng thời chăm lo và cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

7. Phối hợp chặt chẽ giữa bộ máy điều hành, Ban kiểm soát, với các tổ chức chính trị trong Công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

V. VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

Năm 2018 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ (2018-2022), tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty tổ chức vào ngày 04/04/2018 đã bầu 03 thành viên HĐQT gồm:

- | | |
|------------------------|-----------------------------------|
| 1. Ông Phạm Văn Thúc | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Phương Kim Mừng | Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty |
| 3. Ông Trịnh Văn Thanh | Thành viên HĐQT, PGĐ Công ty |

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/04/2018.

- Các thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình. HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, HĐQT đã vận dụng linh hoạt các hình thức được quy định trong Luật doanh nghiệp và trong Điều lệ Công ty, quyết định kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty được thông suốt.

- HĐQT đã thống nhất Nghị quyết mô hình tổ chức sản xuất tổ chức bộ máy điều hành Công ty với quy mô hợp lý, phát huy được sự chủ động sáng tạo và sự liên kết phối hợp giữa các cá nhân và bộ phận.

- HĐQT đã ban hành các quy chế, quy định, quyết định phục vụ việc quản lý, điều hành các mặt hoạt động của Công ty.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Các phòng chức năng trong Công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT Công ty đã tham mưu, giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành của Công ty thực hiện SXKD đúng pháp luật, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT đã giám sát và chỉ đạo Bộ máy điều hành Công ty triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết, Quyết định ban hành, ý kiến chỉ đạo của HĐQT, đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty. Bộ máy điều hành công ty đã quản lý, quản trị chi phí, điều hành sản xuất linh hoạt, vượt qua nhiều khó khăn về giá nguyên nhiên vật liệu tăng cao, điều kiện khai thác khó khăn..., đảm bảo các quyền lợi chính đáng cho các cổ đông.

- HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất khác để nghe các thành viên HĐQT báo cáo tình hình hoạt động SXKD của Công ty và thảo luận kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty, cụ thể:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức 31 phiên họp định kỳ và họp gián tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét quyết định các vấn đề quản lý của Công ty theo thẩm quyền Hội đồng quản trị, trong đó đã ban hành 31 Nghị quyết và một số các Quyết định, văn bản theo thẩm quyền theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc gồm 03 thành viên và hoạt động kiêm nhiệm.

1. Ông Lê Mạnh Kết Trưởng ban
2. Ông Phương Trung Dũng Kiểm soát viên
3. Bà Thi Thị Thanh Hảo Kiểm soát viên

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát của Công ty thường xuyên giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết các kỳ họp của HĐQT, các quy chế, quy định do HĐQT ban hành.

- Giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, các Nghị quyết của Giám đốc trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc điều hành được quy định trong Điều lệ của Công ty.

- Kiểm soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kiểm soát báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Chức danh	Số lượng (người)	Số tháng	Quyết toán quỹ thù lao		Ghi chú
				Mức đồng/ng/th	Quyết toán quỹ thù lao	
I. Hội đồng Quản trị						
1	Chủ tịch HĐQT					
-	Chuyên trách					
-	Không chuyên trách					
2	Thành viên HĐQT	02	18	2.500.000	45.000.000	
II. Ban kiểm soát						
1	Trưởng BKS	01	09	1.500.000	13.500.000	
2	Thành viên BKS	02	18	1.000.000	18.000.000	
Tổng cộng		05	45		76.500.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Giao dịch cổ đông nội bộ: Không

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Trong năm 2018, HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ các nội dung, các mặt hoạt động theo thẩm quyền chức năng, nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ đề ra theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty về Quản trị Công ty. Các chỉ tiêu kinh tế đều đạt và vượt kế hoạch Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Công ty kiểm toán không có ý kiến thêm và đồng ý với báo cáo tài chính đã lập cho năm tài chính của Công ty cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc tại thời điểm ngày 31/12/2018.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

- Đính kèm theo Báo cáo thường niên là báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam. (có báo cáo tài chính kiểm toán đính kèm)

- Công ty đã đăng trên trang thông tin điện tử và gửi báo cáo tài chính kiểm toán đến UBCK NN, TTLK CK VN; Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội theo đúng quy định. Đồng thời báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2018 được đăng trên Website của Công ty theo đường dẫn sau: <http://www.vtcbdongbac.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- TTLK CK VN; SGDCKHN;
- Đăng Website của Công ty;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Các cổ đông/đại diện cổ đông;
- Lưu: VT, TCLĐ; T10b.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Phương Kim Mừng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VT & CB THAN ĐÔNG BẮC**

Số: 321..../VT-CB-TCLĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông Công ty cổ phần VT&CB than Đông Bắc.

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc

- Mã chứng khoán: VDB
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu 6B, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Số điện thoại: 02033.866.268

Fax: 02033.865.732

- E-mail: support@vtcbdongbac.com.vn Website: www.vtcbdongbac.com.vn

- Người thực hiện công bố thông tin: Phương Kim Mừng

- Chức vụ: Giám đốc Công ty

- Loại thông tin công bố: ☒ định kỳ ☐ bất thường ☒ 24h ☐ theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố

- Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc được lập ngày 20/03/2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30 tháng 03 năm 2019 tại đường dẫn sau:

<http://www.vtcbdongbac.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>

- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, TCLĐ; T06.

CÔNG TY CỔ PHẦN VT&CB THAN ĐÔNG BẮC

Đại diện pháp luật/Người CBTT

GIAM ĐOC



Phương Kim Mừng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc được thành lập theo Quyết định số 1409/QĐ-BQP ngày 04 tháng 5 năm 2012 của Thứ trưởng Bộ Quốc phòng trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty Chế biến và Kinh doanh Than thuộc Tổng Công ty Đông Bắc. Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc (gọi tắt là "Công ty") được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5701650781 ngày 12 tháng 7 năm 2012.

Năm 2017, Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 01/01/2017. Theo quyết định số 5922/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc thành Công ty Cổ phần. Ngày 04/04/2018, Công ty chính thức chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5701650781 thay đổi lần thứ hai ngày 04/04/2018 với vốn điều lệ là 51.000.000.000 đồng.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty đến ngày 31/12/2018 gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Thức	Chủ tịch
Ông Phương Kim Mừng	Thành viên
Ông Trịnh Văn Thanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phương Kim Mừng	Giám đốc
Ông Trịnh Văn Thanh	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Văn Vui	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát trong suốt kỳ hoạt động và tại ngày 31/12/2018 gồm:

Ban Kiểm soát

Ông Lê Mạnh Kết	Trưởng Ban
Bà Thi Thị Thanh Hảo	Thành viên
Ông Phương Trung Dũng	Thành viên

Đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày 31/12/2018 là Ông Phương Kim Mừng
- Giám đốc Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31/12/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018 và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2019

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC



Phượng Kim Mừng

Số: 58/2019/BCKT-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018 được trình bày từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trong yếu tố tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



TS. Trần Văn Dũng

Chủ tịch HĐQT – PTKD (CPA, CMA Australia)

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0283-2018-242-1

Hoàng Văn Anh

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2917-2019-242-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	05/04/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.351.423.226	195.786.220.549
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		127.640.026	24.116.342.626
Tiền	111	5.1	127.640.026	24.116.342.626
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.238.398.333	8.611.556.111
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	15.175.741.181	7.403.925.361
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.500.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		40.157.152	1.207.630.750
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	22.461.447.763	157.492.300.351
Hàng tồn kho	141		22.461.447.763	157.492.300.351
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		523.937.104	5.566.021.461
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	523.937.104	3.649.246.126
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.916.775.335
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		189.319.932.016	213.996.074.998
II. Tài sản cố định	220		165.620.733.185	188.662.348.240
Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	165.620.733.185	188.647.181.918
- Nguyên giá	222		354.532.195.798	344.387.734.118
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(188.911.462.613)	(155.740.552.200)
Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	15.166.322
- Nguyên giá	228		219.823.530	219.823.530
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(219.823.530)	(204.657.208)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		193.429.689	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		193.429.689	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		23.505.769.142	25.333.726.758
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.4	23.505.769.142	25.333.726.758
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		227.671.355.242	409.782.295.547

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	05/04/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		175.379.866.414	358.372.764.356
I. Nợ ngắn hạn	310		145.514.866.414	327.297.876.956
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	39.414.838.877	25.839.287.650
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.8	1.003.687.733	39.405.718
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	10.650.616.788	1.898.263.753
Phải trả người lao động	314		29.544.146.069	14.051.427.165
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	109.223.129
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	21.578.357.704	260.755.709.918
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	41.400.000.000	15.925.853.632
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.923.219.243	8.678.705.991
II. Nợ dài hạn	330		29.865.000.000	31.074.887.400
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	29.865.000.000	31.074.887.400
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.291.488.828	51.409.531.191
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	52.291.488.828	51.409.531.191
Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.000.000.000	51.409.531.191
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.291.488.828	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		227.671.355.242	409.782.295.547

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Thi Thị Thanh Hào



Trần Thị Quỳnh Trang



Phương Kim Mừng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 – DN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 05/04/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2018 đến 04/04/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	4.002.387.771.772	936.586.542.070
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	4.002.387.771.772	936.586.542.070
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.823.877.570.946	887.919.020.728
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		178.510.200.826	48.667.521.342
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	10.236.696	8.572.408
7. Chi phí tài chính	22	6.4	12.115.941.407	5.108.294.745
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.115.941.407	5.108.294.745
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	107.353.868.511	26.368.083.610
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	38.657.967.783	10.354.194.784
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.392.659.821	6.845.520.611
11. Thu nhập khác	31	6.6	2.098.185.509	7.848.875.501
12. Chi phí khác	32	6.7	6.170.015.997	7.906.621.347
13. Lợi nhuận khác	40		(4.071.830.488)	(57.745.846)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.320.829.333	6.787.774.765
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	3.405.941.057	1.361.342.024
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.914.888.276	5.426.432.741
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	2.330	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	2.330	-

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





Thi Thị Thanh Hào

Trần Thị Quỳnh Trang

Phượng Kim Mừng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 – DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 05/04/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2018 đến 04/04/2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.320.829.333	6.787.774.765
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	38.920.781.742	7.749.720.220
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.984.567.781	99.384.492
- Chi phí lãi vay	06	12.115.941.407	5.108.294.745
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	73.342.120.263	19.745.174.222
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.710.066.887)	8.538.952.117
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	135.030.852.588	140.000.732.038
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(212.838.637.477)	(102.708.270.429)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.953.266.638	697.375.054
- Tiền lãi vay đã trả	14	(12.115.941.407)	(5.035.435.252)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.000.000.000)	(1.534.735.513)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	495.950.658	19.616.312.722
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.825.496.649)	(16.679.269.918)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(26.667.952.273)	62.640.835.041
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(21.185.714.800)	(36.539.044.513)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	107.956.900
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.236.696	8.572.408
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.175.478.104)	(36.422.515.205)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	908.629.252
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(409.531.191)	(2.537.550.894)
3. Tiền thu từ đi vay	33	211.469.533.378	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(187.205.274.410)	(949.334.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	23.854.727.777	(2.578.255.742)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(23.988.702.600)	23.640.064.094
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.116.342.626	476.278.532
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	127.640.026	24.116.342.626

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Thi Thị Thanh Hào

Trần Thị Quỳnh Trang



Phương Kim Mừng

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc được thành lập theo Quyết định số 1409/QĐ-BQP ngày 04 tháng 5 năm 2012 của Thứ trưởng Bộ Quốc phòng trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty Chế biến và Kinh doanh Than thuộc Tổng Công ty Đông Bắc. Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5701650781 ngày 12 tháng 7 năm 2012.

Năm 2017, Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 01/01/2017. Theo quyết định số 5922/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 của Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc thành Công ty Cổ phần. Ngày 04/04/2018, Công ty chính thức chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5701650781 thay đổi lần thứ hai ngày 04/04/2018 với vốn điều lệ là 51.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thu gom và chế biến than, cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại: Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 539 người.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính này

Do Công ty được chính thức chuyển đổi từ TNHH sang Công ty cổ phần (cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước) từ ngày 04/04/2018 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nên số liệu so sánh của kỳ này không cùng độ dài với kỳ so sánh.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn. Ban Giám đốc đã xem xét, đánh giá và có các kế hoạch huy động các nguồn lực tài chính để đảm bảo tính liên tục hoạt động của Công ty.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/04/2018 nhất trí thông qua số liệu phát sinh ngày 04/04/2018 từ 0h đến 17h thuộc số liệu của Công ty TNHH 1 thành viên Vận tải và Chế biến than Đông Bắc, do vậy mọi hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần sẽ được tính từ ngày 05/04/2018.

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng trước ngày 05/04/2018:

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản đưa vào sử dụng trước ngày 05/04/2018 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt số 2559/QĐ-BQP ngày 03/7/2017 của Bộ Quốc Phòng.

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng sau ngày 05/04/2018 bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 37 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 11 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 08 năm

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt

động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính 06 năm

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, bảo hiểm, chi phí vận chuyển bốc xúc, giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí quản lý, chi phí đi vay quá trình và các chi phí khác trong quá trình đầu tư chuẩn bị khai thác, và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp sẽ được phân bổ vào chi phí kể từ thời điểm Công ty Cổ phần chính thức hoạt động.

4.7 Dự phòng phải trả

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí liên quan đến lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Các mặt hàng khác áp dụng theo quy định hiện hành.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN)

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ,

công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC

Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 (VND)	05/04/2018 (VND)
Tiền mặt (i)	35.568.359	365.250.599
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	92.071.667	23.751.092.027
Cộng	127.640.026	24.116.342.626
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2018 bao gồm:	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		35.568.359
Cộng		35.568.359
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2018 bao gồm:	Nguyên tệ	(VND)
<i>Ngoại tệ</i>		-
<i>Đồng Việt Nam</i>		92.071.667
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cẩm Phả		52.048.788
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả		14.188.329
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cẩm Phả		13.123.621
Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Quảng Ninh		9.222.492
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hải Phòng		1.664.996
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng		1.823.441
Cộng		92.071.667
5.2. Phải thu của khách hàng	31/12/2018 (VND)	05/04/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	15.175.741.181	7.403.925.361
Công ty TNHH xây dựng vận tải TM&DV Trường Sơn	2.046.490.945	3.727.082.190
Công ty TNHH Tiến Trung	4.850.850.218	-
Công ty cổ phần đầu tư Thái Thịnh Quảng Ninh	4.135.724.900	-
Phải thu khác	4.142.675.118	3.676.843.171
b) Dài hạn	-	-
Cộng	15.175.741.181	7.403.925.361

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC

Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

5.3. Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		05/04/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.785.845.494	-	4.976.450.056	-
Công cụ, dụng cụ	38.601.800	-	54.422.350	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	5.154.751.518	-
Thành phẩm	16.637.000.469	-	147.306.676.427	-
Cộng	22.461.447.763	-	157.492.300.351	-

5.4. Chi phí trả trước

	31/12/2018 (VND)	05/04/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	523.937.104	3.649.246.126
Công cụ dụng cụ sử dụng dưới 01 năm	2.033.384	2.738.242.339
Bảo hiểm phân bổ trong kỳ	185.122.089	181.293.454
Chi phí vận chuyển bốc xúc than	166.589.964	601.390.625
Chi phí nhiên liệu đội vận tải thủy	-	128.319.708
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	170.191.667	-
b) Dài hạn	23.505.769.142	25.333.726.758
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	8.707.447.270	4.571.927.174
Chi phí nào vét luồng cảng	1.154.221.792	2.084.594.511
Chi phí mua sắm CCDC	69.259.213	56.652.984
Chi phí quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000	-	30.052.055
Chi phí sửa chữa kè cảng PX3	36.694.167	-
Chi phí san lấp mặt bằng bãi Gia Đức	410.514.544	51.027.145
Chi phí sửa chữa thường xuyên	1.166.203.706	2.398.254.814
Giá trị lợi thế kinh doanh của Doanh nghiệp	11.896.731.400	15.862.308.532
Chi phí trả trước dài hạn khác	64.697.050	278.909.543
Cộng	24.029.706.246	28.982.972.884

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐỒNG BẮC
Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 – DN

5.5. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tài sản cố định khác (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 05/04/2018	73.133.713.230	55.716.612.605	214.301.171.645	279.513.866	956.722.772	344.387.734.118
Mua trong kỳ	-	-	21.185.714.800	-	-	21.185.714.800
Thanh lý, nhượng bán	11.041.253.120	-	-	-	-	11.041.253.120
Số dư tại ngày 31/12/2018	62.092.460.110	55.716.612.605	235.486.886.445	279.513.866	956.722.772	354.532.195.798
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 05/04/2018	32.446.737.711	31.751.769.198	91.248.727.422	251.612.652	41.705.217	155.740.552.200
Khấu hao trong kỳ	5.122.856.749	6.113.239.348	27.566.737.413	15.641.973	87.139.937	38.905.615.420
Thanh lý, nhượng bán	5.734.705.007	-	-	-	-	5.734.705.007
Số dư tại ngày 31/12/2018	31.834.889.453	37.865.008.546	118.815.464.835	267.254.625	128.845.154	188.911.462.613
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 05/04/2018	40.686.975.519	23.964.843.407	123.052.444.223	27.901.214	915.017.555	188.647.181.918
Tại ngày 31/12/2018	30.257.570.657	17.851.604.059	116.671.421.610	12.259.241	827.877.618	165.620.733.185

Trong đó: Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2018 của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp cầm cố đảm bảo các khoản cho vay: 53.803.942.266 đồng.
Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2018 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.509.143.753 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC
Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 – DN

5.6. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục

NGUYÊN GIÁ

Số dư tại ngày 05/04/2018

Số dư tại ngày 31/12/2018

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại ngày 05/04/2018

Khấu hao trong kỳ

Số dư tại ngày 31/12/2018

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 05/04/2018

Tại ngày 31/12/2018

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 219.823.530 đồng.

5.7. Phải trả người bán

	31/12/2018 (VND)		05/04/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Công nghiệp tàu thủy Đông Bắc	39.414.838.877	39.414.838.877	25.839.287.650	25.839.287.650
Công ty CP phát triển Vững Mạnh	10.499.889.702	10.499.889.702	12.517.327.034	12.517.327.034
Phải trả người bán khác	7.960.521.250	7.960.521.250	-	-
	20.954.427.925	20.954.427.925	13.321.960.616	13.321.960.616
b) Dài hạn				
Cộng	-	-	-	-
	39.414.838.877	39.414.838.877	25.839.287.650	25.839.287.650

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC
Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 – DN

5.8. Người mua trả tiền trước

- a) **Ngắn hạn**
Công ty TNHH TVQT Việt Nhật
Công ty TNHH vật tư than Thủy Nguyên
Các đối tượng khác
- b) **Dài hạn**
Cộng

31/12/2018 (VND)	05/04/2018 (VND)
1.003.687.733	39.405.718
570.512.491	-
398.531.162	-
34.644.080	39.405.718
-	-
1.003.687.733	39.405.718

5.9. Thuế và các khoản phải thu/ nợ Nhà nước

- a) **Phải nộp**
Thuế GTGT hàng bán nội địa
Thuế Thu nhập doanh nghiệp
Thuế thu nhập cá nhân
Thuế nhà đất, tiền thuê đất
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác
- b) **Phải thu**
Cộng

05/04/2018 (VND)	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã thực nộp trong kỳ (VND)	31/12/2018 (VND)
1.898.263.753	34.161.799.180	25.409.446.145	10.650.616.788
72.527.159	27.544.261.830	20.738.378.327	6.878.410.662
1.361.342.024	3.405.941.057	2.000.000.000	2.767.283.081
-	1.748.536.239	743.613.194	1.004.923.045
464.394.570	1.234.348.054	1.698.742.624	-
-	228.712.000	228.712.000	-
-	-	-	-
1.898.263.753	34.161.799.180	25.409.446.145	10.650.616.788

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC
Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 – DN

5.10. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2018 (VND)		Trong kỳ (VND)		05/04/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	41.400.000.000	41.400.000.000	205.929.013.378	180.454.867.010	15.925.853.632	15.925.853.632
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Cẩm Phả	27.500.000.000	27.500.000.000	192.029.013.378	164.529.013.378	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả	-	-	132.371.172.878	132.371.172.878	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	27.500.000.000	27.500.000.000	59.657.840.500	32.157.840.500	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Cẩm Phả	13.900.000.000	13.900.000.000	13.900.000.000	15.925.853.632	15.925.853.632	15.925.853.632
Ngân hàng TMCP Quân đội	900.000.000	900.000.000	900.000.000	7.144.000.000	7.144.000.000	7.144.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả	-	-	-	3.781.853.632	3.781.853.632	3.781.853.632
Vay dài hạn	13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Kỳ hạn từ 1 đến 5 năm	29.865.000.000	29.865.000.000	19.440.520.000	20.650.407.400	31.074.887.400	31.074.887.400
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	29.865.000.000	29.865.000.000	19.440.520.000	1.164.520.000	11.589.000.000	11.589.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	-	-	-	3.485.887.400	3.485.887.400	3.485.887.400
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả (iii)	-	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000
Cộng	71.265.000.000	71.265.000.000	225.369.533.378	201.105.274.410	47.000.741.032	47.000.741.032

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC

Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

5.10 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng vay số 00302/2015/0001723 ngày 23/9/2015 hạn mức 25.000.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng. Mục đích để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư duy trì phục vụ sản xuất.
- (ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Quảng Ninh theo hợp đồng vay số 61.12.602.586568.TD ngày 14/11/2012 hạn mức 20.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng thanh toán tiền đóng mới sà lan và tàu đẩy 300CV.
- (iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 01/2015/4883434/HĐTD ngày 10/2/2015 hạn mức 38.000.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng. Mục đích vay để đầu tư đóng mới và mua sắm phương tiện vận tải đường thủy.

5.11. Phải trả khác

	31/12/2018 (VND)	05/04/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	21.578.357.704	260.755.709.918
Cổ tức phải trả	10.590.208.386	-
Phải trả tiền thu bán cổ phần	-	23.381.306.706
Tổng Công ty Đông Bắc	9.017.187.477	234.428.141.859
Khác	1.970.961.841	2.946.261.353
b) Dài hạn	-	-
Cộng	21.578.357.704	260.755.709.918

5.12. Vốn chủ sở hữu**5.12.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
Số dư tại ngày 05/04/2018	51.409.531.191	-	-	51.409.531.191
Lãi trong kỳ	-	-	12.914.888.276	12.914.888.276
Trích lập các quỹ	-	1.291.488.828	(2.324.679.890)	(1.033.191.062)
Cổ tức	-	-	(10.590.208.386)	(10.590.208.386)
Điều chuyển vốn về Tổng Công ty	(409.531.191)	-	-	(409.531.191)
Số dư tại ngày 31/12/2018	51.000.000.000	1.291.488.828	-	52.291.488.828

Công ty tạm trích lập các quỹ và chia cổ tức tức căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ/ĐHĐCĐ ngày 04/04/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC

Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

5.12.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

STT	Cổ đông	31/12/2018 (VND)	Tỷ lệ góp vốn
1	Tổng Công ty Đông Bắc	26.010.000.000	51,00%
2	Công ty TNHH Phương Sơn	3.089.000.000	6,06%
3	Công ty Cổ phần Công nghiệp tàu thủy Đông Bắc	5.100.000.000	10,00%
4	Các cổ đông khác	16.801.000.000	32,94%
	Cộng	51.000.000.000	100%

5.12.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 05/04/2018 đến 31/12/2018 (VND)
Vốn góp đầu kỳ	51.409.531.191
Vốn góp giảm trong kỳ	409.531.191
Vốn góp cuối kỳ	51.000.000.000

5.12.4 Cổ phiếu

	31/12/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.100.000
Cổ phiếu phổ thông	5.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.100.000
Cổ phiếu phổ thông	5.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.	

5.12.5 Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2018 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	1.291.488.828

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 05/04/2018 đến 31/12/2018 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 04/04/2018 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.002.387.771.772	936.586.542.070
Doanh thu bán than	3.815.889.539.250	875.113.739.878
Doanh thu cung cấp dịch vụ	186.498.232.522	61.472.802.192
Cộng	4.002.387.771.772	936.586.542.070

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC

Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 05/04/2018 đến 31/12/2018 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 04/04/2018 (VND)
Giá vốn của than đã bán	3.678.459.561.316	839.446.896.484
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	145.418.009.630	48.472.124.244
Cộng	3.823.877.570.946	887.919.020.728

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 05/04/2018 đến 31/12/2018 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 04/04/2018 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.236.696	8.572.408
Cộng	10.236.696	8.572.408

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 05/04/2018 đến 31/12/2018 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 04/04/2018 (VND)
Lãi tiền vay	12.115.941.407	5.108.294.745
Cộng	12.115.941.407	5.108.294.745

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 05/04/2018 đến 31/12/2018 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 04/04/2018 (VND)
a) Chi phí bán hàng	107.353.868.511	26.368.083.610
Chi phí nguyên vật liệu	26.907.647.317	4.598.460.648
Chi phí nhân công	32.392.618.661	11.246.085.348
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.407.296.859	2.703.815.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.033.324.874	7.671.930.725
Chi phí khác	612.980.800	147.791.874
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.657.967.783	10.354.194.784
Chi phí nguyên vật liệu	651.671.977	201.927.046
Chi phí nhân công	13.856.430.592	4.574.095.378
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.501.576.176	427.543.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.374.276.130	1.476.829.265
Chi phí đồ dùng văn phòng	114.473.474	23.742.848
Thuế, phí và lệ phí	1.291.265.187	492.213.205
Chi phí khác bằng tiền	14.868.274.247	3.157.844.028
Cộng	146.011.836.294	36.722.278.394

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC

Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

6.6 Thu nhập khác

	Từ 05/04/2018 đến 31/12/2018 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 04/04/2018 (VND)
Bán phế liệu	1.950.232.371	16.656.500
Các khoản khác	147.953.138	7.832.219.001
Cộng	2.098.185.509	7.848.875.501

6.7 Chi phí khác

	Từ 05/04/2018 đến 31/12/2018 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 04/04/2018 (VND)
Giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý	5.994.804.477	124.613.400
Chi phí khác	175.211.520	7.782.007.947
Cộng	6.170.015.997	7.906.621.347

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6.8.1 Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

6.8.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 05/04/2018 đến 31/12/2018 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 04/04/2018 (VND)
Tổng lợi nhuận trước thuế	16.320.829.333	6.787.774.765
Điều chỉnh tăng	708.875.954	18.935.355
Chi phí không được trừ	708.875.954	18.935.355
Thu nhập tính thuế	17.029.705.287	6.806.710.120
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.405.941.057	1.361.342.024

6.9 Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 05/04/2018 đến 31/12/2018 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	12.914.888.276
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.033.191.062)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	11.881.697.214
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.100.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.330

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC

Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 05/04/2018 đến 31/12/2018 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 04/04/2018 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.553.390.566.854	716.723.713.567
Chi phí nhân công	85.211.276.644	27.539.766.874
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.920.781.742	8.133.568.947
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.264.831.161	38.496.787.655
Chi phí khác bằng tiền	38.563.480.767	17.863.209.563
Cộng	3.852.350.937.168	808.757.046.606

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 211.469.533.378 đồng.

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường 187.205.274.410 đồng.

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Thông tin về các bên liên quan**

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định tài chính và kinh doanh.

a) Các bên liên quan**Bên liên quan**

Tổng Công ty Đông Bắc
 Công ty Xây dựng Công nghiệp Mỏ
 Công ty TNHH MTV 86
 Trung tâm giám định TCT Đông Bắc
 Đội quản lý đường mỏ - CN TCT Đông Bắc
 Công ty TNHH MTV Khe Sim
 Công ty Cảng- CN TCT Đông Bắc
 Công ty Công nghiệp tàu thủy Đông Bắc

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ
 Cùng chung Công ty mẹ
 Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ
 Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ
 Cùng chung Công ty mẹ
 Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ
 Cổ đông

b) Các giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 05/04/2018 đến 31/12/2018 (VND)
Tổng Công ty Đông Bắc	Bán hàng cho TCT	3.954.995.071.235
Tổng Công ty Đông Bắc	Mua hàng của TCT	3.503.339.097.459
Công ty Xây dựng công nghiệp Mỏ	Mua hàng hóa, dịch vụ	68.801.651.749
Công ty TNHH MTV 86	Mua hàng hóa, dịch vụ	227.574.380
Trung tâm giám định TCT Đông Bắc	Mua hàng hóa, dịch vụ	980.699.691

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC

Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 05/04/2018
		đến 31/12/2018 (VND)
Đội quản lý đường mỏ - CN TCT Đông Bắc	Mua hàng hóa, dịch vụ	9.268.209.500
Công ty TNHH MTV Khe Sim	Mua hàng hóa, dịch vụ	12.068.770.483
Công ty Công nghiệp tàu thủy Đông Bắc	Dịch vụ	58.073.823.603
c) Số dư với các bên liên quan		
Nội dung		31/12/2018 (VND)
Phải trả khác		
Tổng Công ty Đông Bắc		9.017.187.477
d) Giao dịch với các bên liên quan khác		
Nội dung		Từ 05/04/2018 đến 31/12/2018 (VND)
Lương, thưởng của Ban Giám đốc		1.622.400.000
Thù lao và thưởng của Hội Đồng Quản trị, Ban kiểm soát		76.500.000

8.2 Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính hiện nay của Công ty là kinh doanh bán than. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ doanh thu bán than các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong tổng doanh thu. Do đó, Ban Giám đốc nhận định Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là từ bán than và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không được trình bày.

8.3 Các khoản bất thường và sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc được thành lập và hoạt động kể từ ngày 05/04/2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5701650781, thay đổi lần thứ hai ngày 04 tháng 04 năm 2018 trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc. Theo đó, Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc đã chấm dứt hoạt động và bàn giao toàn bộ tài sản, nguồn vốn và công nợ cho Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc kể từ ngày 05/04/2018.

Ngày 20/07/2018, Công ty đã được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng. Ngày 11/11/2018, Công ty được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu với mã cổ phiếu VDB (UpCOM).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05/04/2018 đến ngày 31/12/2018

8.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc bị phản ánh sai lệch.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 04/04/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Đối với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 04/04/2018 không cùng độ dài với kỳ thực hiện do đó không thể dùng để so sánh được.

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Thi Thị Thanh Hào



Trần Thị Quỳnh Trang



Phượng Kim Mừng